

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Người ký: Bộ Giao
thông Vận tải
Thời gian ký:
20.12.2019 15:59:52
+07:00

Số: 2341/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2019

TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

ĐẾN Số: 1279
Ngày: 23/12/2019
Chuyên: TCHC
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Xét đề nghị của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải tại Công văn số 2012/VKHCN-TCHC ngày 11/10/2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3135/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ GTVT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (Hiện).



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động

của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2341~~ /QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I

VỊ TRÍ PHÁP LÝ

Điều 1. Tên gọi

1. Tên đơn vị: **Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải.**
2. Tên giao dịch: Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải.
3. Tên tiếng Anh: Institute of Transport Science and Technology; viết tắt: **ITST.**
4. Trụ sở giao dịch: Số 1252 Đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
5. Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải được thành lập theo Nghị định số 96-NĐ ngày 04/10/1956 của Bộ Giao thông và Bưu điện.
6. Người đại diện theo pháp luật: Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải (sau đây viết tắt là Viện) là đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ trực thuộc Bộ Giao thông vận tải hoạt động theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
2. Viện có tư cách pháp nhân đầy đủ, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng Thương mại theo quy định của pháp luật, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Chức năng

Viện thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ

thuật, xây dựng dân dụng, công nghiệp, khai thác vận tải, bảo vệ môi trường, bảo vệ công trình, an toàn giao thông, công nghệ thông tin, tự động hóa và đào tạo; thực hiện các dịch vụ tư vấn và sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 4. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển, dự báo, định hướng khoa học công nghệ ngành Giao thông vận tải.

2. Xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các dịch vụ khoa học và công nghệ.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao, đặt hàng theo danh mục do Bộ Khoa học và công nghệ, các bộ, ngành, địa phương công bố hàng năm, theo nhu cầu xã hội, nhu cầu của doanh nghiệp.

4. Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, sổ tay kỹ thuật, công nghệ mẫu, thiết kế mẫu, giải pháp công nghệ trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; nghiên cứu các giải pháp tổ chức giao thông, tăng cường an toàn giao thông, giao thông đô thị; xây dựng chương trình, giải pháp bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu trong lĩnh vực giao thông vận tải.

5. Xây dựng, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, quản lý; xây dựng, khai thác và bảo trì các công trình của ngành Giao thông vận tải.

6. Duy trì hoạt động thư viện Khoa học kỹ thuật của ngành Giao thông vận tải và các phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ.

7. Thẩm định, đánh giá công nghệ mới, vật liệu mới và các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho ngành Giao thông vận tải.

8. Đánh giá an toàn và độ tin cậy của cấu kiện, thiết bị, công trình xây dựng.

9. Lập hồ sơ và thực hiện các thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, sáng chế đối với các sản phẩm khoa học công nghệ theo quy định.

10. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, sự kiện, hoạt động thông tin khoa học công nghệ; xuất bản ấn phẩm, tạp chí thông tin khoa học công nghệ về lĩnh vực giao thông vận tải.

11. Xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ và sản xuất kinh doanh phục vụ các hoạt động của ngành Giao thông vận tải.

12. Tổ chức đào tạo; liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để đào tạo sau Đại học và các khóa đào tạo ngắn hạn gồm: Đào tạo chuyển giao công nghệ trong xây dựng công trình giao thông vận tải; thí nghiệm viên, kiểm

định viên, tư vấn giám sát, phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn, bồi dưỡng tập huấn các chuyên đề, giải pháp công nghệ; đào tạo kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải, nghiệp vụ phòng tránh thiên tai và biến đổi khí hậu; đào tạo thẩm tra an toàn giao thông; đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng bậc thợ; đào tạo lái xe, công nhân thi công các công trình giao thông; cung cấp nhân lực chuyên môn kỹ thuật cho các đối tác trong và ngoài nước và cho các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ khi đủ điều kiện theo quy định, gồm:

a) Lập, thẩm tra dự án trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng các công trình giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn; lập hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu, phân tích và đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất các công trình giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Tư vấn quản lý dự án trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng các công trình giao thông vận tải, công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

c) Tư vấn lập quy hoạch, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, lập dự toán, tư vấn đánh giá hiệu quả dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các công trình giao thông vận tải, công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

d) Khảo sát, quan trắc công trình, thiết kế, thẩm tra thiết kế và dự toán, giám sát thi công trong các lĩnh vực xây dựng công trình giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

đ) Thiết kế biện pháp khảo sát công trình, khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa hình; điều tra, phân tích, thu thập số liệu phục vụ thiết kế các công trình giao thông, xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

e) Tư vấn, giám sát các vấn đề về chính sách an toàn giao thông vận tải, môi trường, xã hội và phát triển cộng đồng, tiếp nhận và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực môi trường giao thông vận tải.

g) Giám sát, quan trắc môi trường; phân tích, kiểm soát các thông số môi trường, nghiên cứu, lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường trong lĩnh vực xây dựng cho các công trình giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

h) Thẩm tra an toàn giao thông các công trình giao thông.

i) Tư vấn giải pháp và chuyển giao công nghệ, nhận chuyển giao công nghệ có ứng dụng vật liệu mới và công nghệ mới, công nghệ cao trong lĩnh vực xây

dựng công trình giao thông vận tải, công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

k) Tư vấn, thí nghiệm, cung cấp và thi công sơn bảo vệ công trình; thí nghiệm, thử nghiệm, đánh giá an toàn trong lĩnh vực đường sắt. Thí nghiệm: hệ thống báo hiệu giao thông; vật liệu xây dựng; địa chất công trình; môi trường; kết cấu; chất lượng cọc trong các công trình giao thông, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

l) Kiểm định, giám định, thí nghiệm, kiểm tra đánh giá chất lượng các vật liệu, chất lượng các công trình giao thông vận tải, công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn. Kiểm tra đánh giá sự phù hợp chất lượng; tham gia kiểm tra năng lực và phúc tra số liệu của các phòng thí nghiệm. Kiểm định, hiệu chuẩn máy, thiết bị, vật tư, kỹ thuật an toàn lao động máy và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; giám định dây chuyền, thiết bị nhập khẩu mới hoặc đã qua sử dụng. Giám định tư pháp theo chuyên ngành, vụ việc.

m) Thi công thử nghiệm, thi công xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông vận tải, công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn và các công trình có ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, công trình có tính chất đặc thù, công nghệ cao.

n) Sản xuất, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt: Hệ thống an toàn giao thông; thiết bị thi công công trình, các thiết bị kiểm tra, vật tư và dụng cụ thí nghiệm phục vụ ngành Giao thông vận tải và các ngành khác; thiết bị cơ điện tử; thiết bị, phương tiện phục vụ cho ngành Giao thông vận tải.

o) Kiểm định kỹ thuật và an toàn thiết bị thi công; hiệu chuẩn thiết bị đo lường; đăng kiểm phương tiện cơ giới; tư vấn giám sát lắp đặt các thiết bị trong các công trình giao thông vận tải, công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn; đánh giá, chứng nhận sự phù hợp, hợp chuẩn, hợp quy của thiết bị, sản phẩm mới; thử nghiệm chất lượng hàng hóa sản phẩm xây dựng; chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy cho các thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết bị điện tử.

p) Xuất, nhập khẩu trực tiếp và đại lý về: Vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị, dụng cụ, dây chuyền công nghệ phục vụ ngành Giao thông vận tải; kinh doanh và cho thuê thiết bị thí nghiệm, phương tiện vận tải.

13. Đầu tư, liên doanh, liên danh, liên kết thực hiện các dự án xây dựng theo quy định của pháp luật.

14. Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh và cung cấp dịch vụ về văn phòng; sửa chữa, bảo dưỡng và trông giữ phương tiện vận tải theo quy định.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ của Viện

1. Quyền và nghĩa vụ trong hoạt động khoa học công nghệ

a) Được quyền bình đẳng tham gia tuyển chọn, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương công bố hằng năm hoặc do các cơ quan nhà nước đặt hàng hoặc giao trực tiếp.

b) Được tự quyết định biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước giao trực tiếp hoặc đặt hàng, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

c) Được ký hợp đồng và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Được quyền lựa chọn đối tác, tự quyết định hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

đ) Được tham gia thực hiện các dự án ODA, dự án có nguồn vốn nước ngoài.

e) Được mời các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài đến làm việc, trao đổi khoa học, tham gia quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Viện theo quy định của pháp luật; được quyết định mức lương thuê chuyên gia tùy theo nguồn tài chính của Viện và theo quy định của pháp luật.

g) Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển khoa học công nghệ, tăng cường năng lực nghiên cứu, xây dựng các phòng thí nghiệm chuyên ngành giao thông.

h) Được lập văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu công việc của Viện phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước sở tại.

i) Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hợp đồng khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

k) Có trách nhiệm công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

l) Có trách nhiệm bảo vệ lợi ích của nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong tổ chức mình; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

m) Có quyền và nghĩa vụ khác theo Luật Khoa học và Công nghệ và các quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

a) Được đầu tư, sản xuất, kinh doanh hàng hóa, thực hiện các dịch vụ thuộc lĩnh vực hoạt động chuyên môn của Viện và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

b) Tham gia đấu thầu thực hiện các hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn của Viện và bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

d) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của Viện, khi tham gia hoạt động công ích

a) Được sử dụng vốn và các nguồn lực hợp pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật khi được nhà nước yêu cầu, đặt hàng hoặc tham gia đấu thầu thực hiện hoạt động công ích.

b) Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của nhà nước theo quy định của pháp luật khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

c) Được Nhà nước thanh toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

d) Được hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật.

đ) Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

e) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện; không được đặt hàng lại dịch vụ sự nghiệp công đã được cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng cho đơn vị khác thực hiện.

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, phương án khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC THÀNH VIÊN

Điều 6. Cơ cấu tổ chức, nhân sự của Viện

1. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Viện, gồm: Viện trưởng và tối đa không quá 03 Phó Viện trưởng.

Viện trưởng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm và miễn nhiệm, Phó Viện trưởng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng.

Kế toán trưởng của Viện do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng.

b) Các tổ chức giúp việc Viện trưởng: Các phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng tham mưu, giúp Viện trưởng quản lý, điều hành công việc thường xuyên của Viện.

c) Các đơn vị trực thuộc:

- Các Viện chuyên ngành;
- Các Trung tâm;
- Các Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ;
- Các Phân viện.

Các đơn vị trực thuộc Viện có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, ngân hàng để phục vụ các hoạt động nghiên cứu, dịch vụ, sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Viện trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động của các đơn vị trực thuộc Viện theo quy định.

Việc sắp xếp lại các tổ chức quy định tại điểm b, điểm c khoản này được thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

(Danh sách các tổ chức quy định tại điểm b, điểm c khoản này được nêu tại Phụ lục của Điều lệ)

2. Nhân sự

a) Viện trưởng quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và tổng số người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đảm bảo việc làm ổn định và thu nhập cho số người làm việc tăng thêm theo quy định của pháp luật.

b) Viện thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng viên chức và người lao động theo quy định của Luật Viên chức, Bộ luật Lao động và các quy định hiện hành.

Điều 7. Quyền, trách nhiệm của các thành viên Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải

1. Quyền và trách nhiệm của Viện trưởng

a) Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và pháp luật về quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Viện và là chủ tài khoản của Viện.

b) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế làm việc của Viện và các quy định khác về hoạt động của Viện.

c) Quyết định kế hoạch hoạt động của Viện khi được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

d) Thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo các quy định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải và các quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức, chủ trì các cuộc họp định kỳ và đột xuất (nếu có); đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác của các Phó Viện trưởng, các phòng chức năng, các đơn vị, viên chức và người lao động.

e) Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải về hoạt động của Viện.

2. Quyền và trách nhiệm của các Phó Viện trưởng

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được Viện trưởng phân công hoặc ủy quyền; thực hiện chế độ báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tham gia các cuộc họp, đề xuất hoặc kiến nghị về các giải pháp, biện pháp cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của Viện.

3. Quyền, nghĩa vụ của Kế toán trưởng

a) Có trách nhiệm quản lý thu, chi, lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí hoạt động của Viện. Tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Quyền, nghĩa vụ của viên chức và người lao động

a) Được bảo đảm về điều kiện làm việc, được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

b) Có trách nhiệm thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành tốt pháp luật, chính sách hiện hành và quy chế làm việc của đơn vị; có quyền từ chối thực hiện công việc được giao khi xét thấy công việc đó ảnh hưởng đến uy tín và quyền lợi của Viện nhưng phải được sự chấp thuận của thủ trưởng đơn vị.

c) Có quyền đề xuất đóng góp ý kiến, biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao và xây dựng Viện.

d) Chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị và Viện trưởng về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

đ) Có trách nhiệm bảo quản và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản của Viện.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 8. Nguyên tắc làm việc của Viện

1. Đối với Lãnh đạo Viện

a) Viện trưởng làm việc theo chế độ thủ trưởng, Viện trưởng là người lãnh đạo cao nhất trong Viện và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Viện.

b) Viện trưởng chịu trách nhiệm điều hành chung và trực tiếp chỉ đạo một số nhiệm vụ cụ thể về hoạt động của Viện. Viện trưởng có quyền xem xét công việc thuộc các lĩnh vực đã phân công cho các Phó Viện trưởng và quyết định của Viện trưởng là quyết định cuối cùng.

c) Viện trưởng phân công cho một Phó Viện trưởng thay mặt Viện trưởng điều hành hoạt động của Viện khi Viện trưởng vắng mặt hoặc khi được Viện trưởng ủy quyền.

d) Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng điều hành hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của Viện trưởng, Phó Viện trưởng được phân công phụ trách lĩnh vực nào thì duyệt ký văn bản thuộc lĩnh vực đó. Đối với những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình thì Phó Viện trưởng phải báo cáo xin ý kiến quyết định của Viện trưởng trước khi chỉ đạo thực hiện. Nếu Phó Viện trưởng phụ trách lĩnh vực đi vắng mà cần giải quyết ngay thì Viện trưởng giải quyết hoặc giao cho Phó Viện trưởng có mặt ở cơ quan giải quyết và thông báo lại cho Phó Viện trưởng phụ trách biết và tiếp tục chỉ đạo.

2. Đối với các Phòng quản lý nghiệp vụ

Các Phòng quản lý nghiệp vụ chủ động tham mưu, đề xuất giúp Lãnh đạo Viện giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng được phân công và chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Viện về kết quả thực hiện.

3. Đối với các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc chủ động tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị được Viện trưởng phê duyệt và chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Viện về kết quả thực hiện.

4. Đối với viên chức, người lao động

Xây dựng kế hoạch công tác và triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác được giao; thực hiện đầy đủ và đảm bảo yêu cầu về chất lượng, khối lượng, tiến độ công việc; chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Viện, Trưởng đơn vị về phần công việc được giao.

5. Viện trưởng căn cứ quy định của pháp luật, quy định cụ thể nguyên tắc làm việc và mối quan hệ của tổ chức tham mưu giúp việc Viện trưởng, đơn vị trực thuộc, viên chức và người lao động cho phù hợp với điều kiện thực tế của Viện.

Điều 9. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Chế độ họp với Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải: Thực hiện định kỳ theo quy định chung của Bộ và họp đột xuất (nếu có) để xin ý kiến giải quyết những

công việc phức tạp, cấp bách, liên quan đến các Bộ, Ngành và công việc của Viện.

2. Chế độ hội họp khác: Viện trưởng căn cứ các quy định của pháp luật để quy định chế độ họp của Viện cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Chế độ báo cáo: Viện trưởng căn cứ các quy định của pháp luật để quy định chế độ báo cáo của Viện cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 10. Chế độ kiểm tra, giám sát

Viện thực hiện việc kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất toàn bộ các hoạt động của Viện theo nội quy, quy chế của Viện.

Chương V

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 11. Chế độ tài chính

1. Viện là đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập trực thuộc Bộ GTVT, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Có tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán, thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

3. Hàng năm, Viện có trách nhiệm lập dự toán thu, chi và mở sổ kế toán theo dõi, quản lý sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật; báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán hàng năm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Thực hiện và chấp hành đúng quy định của Nhà nước trong việc quản lý tài chính, tài sản, hạch toán kế toán, công khai tài chính, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Điều 12. Các nguồn tài chính của Viện

1. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước nếu được cơ quan có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công.

2. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên nếu được cơ quan có thẩm quyền giao.

3. Nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ; dịch vụ; hoạt động tư vấn, sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết.

4. Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành.

5. Các nguồn kinh phí khác (nếu có).

Điều 13. Sử dụng nguồn tài chính

Chế độ sử dụng nguồn tài chính, phân phối kết quả nguồn tài chính trong năm của Viện được thực hiện theo quy định sau khi có quyết định phương án tự chủ tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị

1. Viện được trang bị tài sản để phục vụ việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Tổng nguyên giá tài sản cố định giao cho Viện quản lý và sử dụng theo sổ sách đến 31/12/2018 (không bao gồm quyền sử dụng đất) là: 195.495.572.823 đồng, giá trị còn lại đến 31/12/2018 (không bao gồm quyền sử dụng đất) là: 83.912.570.640 đồng.

2. Tài sản của Viện phải được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiêm cấm việc cho thuê, mượn, biếu, tặng và sử dụng tài sản của Viện vào mục đích cá nhân.

3. Tài sản là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải được xử lý theo quy định.

4. Viện có trách nhiệm quản lý và sử dụng tài sản, vật tư, trang thiết bị theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 15. Mối quan hệ công tác đối với Bộ Giao thông vận tải

1. Viện chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Bộ Giao thông vận tải:

a) Quyết định và phê duyệt, các dự án đầu tư theo quy định;

b) Kiểm tra, giám sát thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao; đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, sản xuất, kinh doanh của Viện và quản lý, điều hành của Viện trưởng;

c) Quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nâng bậc lương, phụ cấp và các quyền lợi khác của Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kế toán trưởng theo quy định.

d) Giám sát Viện trong việc quản lý, sử dụng tài sản, trích lập và sử dụng quỹ theo chế độ.

d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đối với Viện theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quan hệ giữa Viện và các đơn vị trực thuộc

1. Viện giữ vai trò chủ đạo, chỉ phối, liên kết các hoạt động của các đơn vị trực thuộc nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư và phát triển.

2. Các đơn vị trực thuộc phải tuân thủ các quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được Viện phê duyệt; quy chế nội bộ của Viện cũng như các quy định của pháp luật.

3. Các đơn vị trực thuộc hoạt động theo định hướng chiến lược phát triển chung của Viện và kế hoạch của Viện trưởng giao; Viện có trách nhiệm bố trí, trợ giúp nhân sự trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tư vấn, dịch vụ khoa học - kỹ thuật và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

4. Các đơn vị trực thuộc được phép sử dụng cơ sở vật chất, cơ sở nghiên cứu khoa học, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề của Viện vào mục đích nghiên cứu khoa học, triển khai các dịch vụ tư vấn, các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của Viện và quy định của pháp luật.

5. Viện thống nhất quản lý các đơn vị trực thuộc về các lĩnh vực: Tổ chức và nhân sự; hoạt động nghiên cứu khoa học; thực hiện dịch vụ tư vấn; các hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản lý tài chính; xây dựng cơ bản; hợp tác quốc tế; đào tạo nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan được quy định cụ thể trong quyết định thành lập đơn vị, Điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc, các quy chế nội bộ của Viện.

6. Viện phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc để cụ thể hóa mối quan hệ giữa Viện và các đơn vị trực thuộc.

7. Viện trưởng phối hợp với Đảng ủy và các tổ chức chính trị - xã hội ban hành quy chế về mối quan hệ làm việc giữa Viện và tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác cho phù hợp với quy định của pháp luật và mục tiêu quản lý của Viện.

Điều 17. Quan hệ với chính quyền địa phương

Viện và các đơn vị trực thuộc chịu sự quản lý nhà nước của chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở về chấp hành và thực hiện các quy định về quản lý hành chính cũng như việc thực hiện nghĩa vụ đối với địa phương.

Chương VII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 18. Việc tổ chức lại Viện do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc

1. Các đơn vị trực thuộc bị giải thể khi vi phạm một trong các điều khoản sau:
- a) Không tuân thủ Điều lệ Tổ chức và hoạt động, các quy chế của Viện và của đơn vị.
 - b) Đơn vị hoạt động không hiệu quả, bị thua lỗ 05 năm liên tục.
 - c) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
 - d) Chịu rủi ro không khắc phục được bởi lý do bất khả kháng.
2. Việc tổ chức lại hoặc giải thể đơn vị trực thuộc do Viện trưởng quyết định theo quy định.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Điều lệ này gồm 8 chương và 21 điều, có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Điều lệ này đều không còn hiệu lực.

Điều 21. Trong quá trình tổ chức và hoạt động nếu có vấn đề mới phát sinh, hoặc xét thấy cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ này, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét quyết định./.



BỘ TRƯỞNG

(Signature)
Nguyễn Văn Thể

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

*(Kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải)*

1. Các tổ chức giúp việc Viện trưởng;

- a) Ban Kế hoạch và Quản lý dự án
- b) Ban Khoa học công nghệ, Tiêu chuẩn và Hợp tác quốc tế
- c) Ban Tài chính kế toán
- c) Ban Tổ chức - Hành chính

2. Các đơn vị trực thuộc:

- 1) Viện Chuyên ngành Đường bộ và Sân bay
- 2) Viện Chuyên ngành Cầu Hầm
- 3) Viện Chuyên ngành Vật liệu xây dựng và Bảo vệ công trình
- 4) Viện chuyên ngành Cơ khí Tự động hóa Đo lường
- 5) Viện chuyên ngành Cảng - Đường thủy
- 6) Viện chuyên ngành Đường sắt
- 7) Viện chuyên ngành Địa kỹ thuật và phòng tránh thiên tai
- 8) Viện chuyên ngành Môi trường
- 9) Trung tâm An toàn giao thông
- 10) Trung tâm Đào tạo - Thông tin;
- 11) Trung tâm Tư vấn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải
- 12) Trung tâm Tư vấn thiết kế và Chuyển giao công nghệ
- 13) Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Đường bộ I
- 14) Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Đường bộ II
- 15) Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Đường bộ III
- 16) Phân viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải Miền Trung
- 17) Phân viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải Phía Nam.